

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2018.

*“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hường

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - chức vụ: Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về *“Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn 17, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Trần Đình T1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Đội 2 - C, thôn H1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình T1 quen biết, tìm hiểu và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, sau thời gian quen nhau khoảng một năm thì anh chị quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục

tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 05-02-2014, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số I/2014.

Trong thời gian ba năm đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng thường hay to tiếng với nhau do bất đồng quan điểm sống, sau đó thì hai vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Thời điểm sống ly thân kể từ ngày 18-3-2017 đến nay. Xét mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được. Nên chị T làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình T1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị với anh Trần Đình T1 có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Bảo C sinh ngày 14-9-2014. Hiện nay cháu C còn nhỏ, đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn thì chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Bảo C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi cháu C*: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T yêu cầu anh Trần Đình T1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung là cháu C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nữa.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định giữa chị với anh Trần Đình T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị T xác định đối với khoản nợ chung thì chị và anh Trần Đình T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn anh Trần Đình T1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Đình T1 là bị đơn biết để làm việc tại Tòa án, nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, các phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T1.

Quá trình làm việc, Tòa án đã nhiều lần mời các đương sự lên làm việc nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không thể hòa giải cho các đương sự để đoàn tụ được, bản thân chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Đình T1. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử cho chị và anh Trần Đình T1 được ly hôn, được quyền nuôi con chung giữa chị và anh T1, đồng thời chị T rút yêu cầu khởi kiện về phân cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nữa; về tài sản chung chị T xác định giữa chị và anh T1 không có tài sản

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung thì chị và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút yêu cầu cấp dưỡng về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình T1.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị và anh T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đề cập để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định là chị và anh Trần Đình T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Đình T1 có nơi cư trú tại Đội 2 - C, thôn H1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Đình T1 đồng thời giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiến ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn; anh Trần Đình T1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Đình T1 là bị đơn biết để anh T1 tham gia trong quá trình giải quyết vụ án, tham gia tố tụng tại phiên tòa tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Trần Đình T1 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo cho các đương sự mở lại phiên tòa lần hai. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Đình T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương xã H thể hiện tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 12 năm 2017 (BL 22-23, 24-25) cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình T1 kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05 tháng 02 năm 2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số I/2014. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng ba năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng thường hay to tiếng dẫn đến bất đồng quan điểm sống và hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ ngày 18-3-2017 đến nay. Xác minh tại chính quyền địa phương xã H tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 12 năm 2017 (BL 22-23, 24-25) thể hiện: “...trong quá trình chung sống vợ chồng anh T1, chị T thường xuyên mâu thuẫn, do anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh đập chị T...”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị T với anh T1 và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Đình T1 là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị T với anh Trần Đình T1 có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014. Hiện nay cháu Trần Nguyễn Bảo C còn nhỏ, đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Qua xem xét lời khai, chứng cứ mà chị T cung cấp và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xã H thì thấy: Hiện nay cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014 đang ở cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị T ở địa chỉ tại thôn 17, xã H, huyện K từ lúc sinh ra cho tới nay. Bản thân chị T có công ăn việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Bị đơn anh T1 đã được Tòa án mời làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành ghi ý kiến của anh T1. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy: giao con chung Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Anh Trần Đình T1 được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T1 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Trần Đình T1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến cháu C đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nữa. Xét việc rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ kiện ly hôn của chị T với anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không đề cập để giải quyết. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình T1.

- *Về tài sản chung*: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T xác định là chị và anh Trần Đình T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 204, Điều 217, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 243, Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 14-9-2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi.

Anh Trần Đình T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T1 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình T1.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0002439 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh